

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 379/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trà Thị KN, sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, xã VT, huyện CG, tỉnh Long An

Bị đơn: Ông Nguyễn VH, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã TQT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Cùng tạm trú: 6L HTP, Khu phố 1, phường PT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trà Thị KN và ông Nguyễn VH.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị KN và ông Nguyễn VH thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 53 quyển 01/2013, do Ủy ban nhân dân xã TLT, Huyện CT, tỉnh tiền Giang cấp ngày 22/7/2013 không còn giá trị pháp lý).

2.2 Về con chung: Có 1 con chung, tên Nguyễn QH, sinh ngày 14/4/2015 (nam).

Ông Nguyễn VH đồng ý để Bà Trà Thị KN được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trẻ Nguyễn QH, sinh ngày 14/4/2015, ông Nguyễn VH cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2022, hai bên tự giao nhận tiền nuôi con chung, không yêu cầu cơ quan thi hành án.

Ông Nguyễn VH được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Không có.

2.4 Về nợ chung: Không có.

2.5 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trà Thị KN tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0013568 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà Trà Thị KN đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.7, TPHCM;
- C/c THA DS Q.7, TPHCM;
- C/q thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (TK.Thúy).

**THẨM PHÁN**

**Trương Như Thủy**